

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý II - Năm 2009

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	75,994,291,279	81,410,281,257	174,153,317,856	169,070,161,206
Trong đó: Doanh thu hàng xuất khẩu			56,985,922,150	53,798,267,637	130,094,855,412	113,298,821,132
2. Các khoản giảm trừ (03 = 04 + 05 + 06 + 07)	02		8,000,000	5,313,017	1,882,954,545	5,813,017
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10		75,986,291,279	81,404,968,240	172,270,363,311	169,064,348,189
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	63,029,802,861	71,141,171,804	142,360,915,163	150,527,449,051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		12,956,488,418	10,263,796,436	29,909,448,148	18,536,899,138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	7,949,725,756	5,008,377,632	11,051,004,081	9,034,443,207
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,559,484,251	3,420,165,938	4,006,252,356	4,851,303,475
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1,337,746,143	2,922,742,203	3,174,749,057	4,055,077,020
8. Chi phí bán hàng	24		1,373,092,528	2,092,773,376	3,095,939,028	3,868,182,155
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,022,419,198	8,294,400,782	25,346,416,276	14,708,945,331
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,951,218,197	1,464,833,972	8,511,844,569	4,142,911,384
[30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)]				-		
11. Thu nhập khác	31		419,575,936	338,618,483	594,489,162	591,460,799
12. Chi phí khác	32		16,732,072	73,754,936	24,007,245	98,790,789
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		402,843,864	264,863,547	570,481,917	492,670,010
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Cty liên kết, liên doanh			-			
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4,354,062,061	1,729,697,519	9,082,326,486	4,635,581,394
(50 = 30 + 40)						
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,014,448,098	485,614,347	2,168,528,470	1,352,713,752
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.30	3,339,613,963	1,244,083,172	6,913,798,016	3,282,867,642
(60 = 50 - 51)						
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			125,420,827	(2,273,323)	180,272,867	(95,814,183)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công Ty Mẹ			3,214,193,136	1,246,356,495	6,733,525,149	3,378,681,825
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		326	124	676	334

Ngày 22 tháng 07 năm 2009

LẬP BIỂU

KẾ TÓAN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC